

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 192/2018/TLST – HNGĐ, ngày 21 tháng 12 năm 2018, giữa: nguyên đơn chị Trần Thị Minh M, sinh năm 1994; Địa chỉ: thôn B, xã N, huyện T, tỉnh Quảng N. Bị đơn: anh Đặng Thanh P, sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Minh M và anh Đặng Thanh P.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh M và anh Đặng Thanh P tự nguyện thoả thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Đặng Ngọc Lan A, sinh ngày 25/02/2016. Sau khi ly hôn chị Trần Thị Minh M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Đặng Ngọc Lan A. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 07/3/2019. Anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: chị Trần Thị Minh M và anh Đặng Thanh P khai không có.

2.4. Về nợ chung: chị Trần Thị Minh M và anh Đặng Thanh P khai không có.

2.5. Về án phí:

- Chị Trần Thị Minh M tự nguyện chịu 150.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0003782 ngày 13/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức; chị M được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh Đặng Thanh P tự nguyện chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- **UBND xã Đức Phong;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Minh Vương

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2019/QĐST-HNGĐ

Mộ Đức, ngày 21 tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 01/2019/TLST – HNGĐ, ngày 03 tháng 01 năm 2019, giữa: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích Viên, sinh năm 1995; Bị đơn: anh Trần Công Trình, sinh năm 1990. Cùng địa chỉ: thôn 5, xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 02 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích Viên và anh Trần Công Trình.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Bích Viên và anh Trần Công Trình tự nguyện thoả thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Trần Thị Thủy Tiên, sinh ngày 03/3/2017. Sau khi ly hôn, chị Trần Thị Bích Viên trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Trần Thị Thủy Tiên; anh Trần Công Trình có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000^d (một triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 13/02/2019. Anh Trình có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị Bích Viên và anh Trần Công Trình khai không có.

2.4. Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Bích Viên và anh Trần Công Trình khai không có.

2.5. Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị Bích Viên tự nguyện chịu 150.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0003797 ngày 03/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ

Đức; chị Viên được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Anh Trần Công Trình tự nguyện chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (Đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- **UBND xã Đức Nhuận;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Minh Vương

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2019/QĐST-HNGĐ

Mộ Đức, ngày 11 tháng 01 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**

VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 181/2018/TLST – HNGĐ, ngày 11 tháng 12 năm 2018, giữa: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nhi Viện, sinh năm 1984; Địa chỉ: thôn 1, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi. Bị đơn: anh Lê Thanh Nha, sinh năm 1983; Địa chỉ: thôn Phước Thịnh, xã Đức Thạnh, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 01 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Nhi Viện và anh Lê Thanh Nha.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Nhi Viện và anh Lê Thanh Nha tự nguyện thỏa thuận thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung: có 01 con chung tên Lê Viên Triết, sinh ngày 16/6/2014. Sau khi ly hôn anh Lê Thanh Nha trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung là Lê Viên Triết; chị Nguyễn Thị Nhi Viện không cấp dưỡng nuôi con. Chị Viện có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: chị Nguyễn Thị Nhi Viện và anh Lê Thanh Nha khai không có.

2.4. Về nợ chung: chị Nguyễn Thị Nhi Viện và anh Lê Thanh Nha khai không có.

2.5. Về án phí: chị Nguyễn Thị Nhi Viện tự nguyện chịu 150.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: AA/2016/0003769 ngày 06/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ

Đức; chị Viện được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- **UBND xã Đức Thạnh;**
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Minh Vương